PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 60/2011/TT-BNNPTNT	*Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2011*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn kiểm tra về chất lượng muối nhập khẩu

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3 Nghị định 01/2008/NĐ-CP;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thủ tục kiểm tra về chất lượng muối nhập khẩu như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định thủ tục, nội dung kiểm tra về chất lượng muối nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Việc nhập khẩu muối trong các trường hợp sau đây không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này:

a) Tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh.

b) Nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu cho thương nhân nước ngoài.

c) Hành lý cá nhân, hàng mẫu, hàng triển lãm hội chợ, quà biếu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nhập khẩu muối (sau đây gọi chung là người nhập khẩu); các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu.

Điều 3. Căn cứ kiểm tra

1. Muối nhập khẩu trong hạn ngạch thuế quan:

Yêu cầu kỹ thuật chất lượng muối nhập khẩu được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Muối nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan:

a) Đối với nhập khẩu muối thực phẩm, thực hiện công bố hợp chuẩn đã đăng ký phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3974-2007 về muối thực phẩm; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 8-2:2011/BYT đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế;

b) Đối với nhập khẩu muối tinh khiết, thực hiện công bố hợp chuẩn đã đăng ký phù hợp với yêu cầu kỹ thuật chất lượng muối nhập khẩu có mã HS 2501.00.41.20 hoặc HS 2501.00.49.20 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Đối với nhập khẩu muối công nghiệp và các loại muối chưa qua chế biến khác, thực hiện công bố hợp chuẩn đã đăng ký phù hợp với yêu cầu kỹ thuật chất lượng muối nhập khẩu có mã HS 2501.00.90.90 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Muối (kể cả muối ăn và muối đã bị làm biến tính) là hợp chất, có thành phần chính là Natri Clorua (công thức hóa học: NaCl), được sản xuất từ nước biển; khai thác từ mỏ muối sử dụng cho ăn, uống, làm nguyên liệu cho các ngành sản xuất công nghiệp, hóa chất, thực phẩm, y tế và các ngành khác.

2. Muối công nghiệp là muối thô sản xuất ra trên đồng muối hoặc khai thác từ mỏ muối được sơ chế để loại bớt tạp chất, có hàm lượng Natri Clorua cao được sử dụng trong ngành công nghiệp, hóa chất và làm nguyên liệu để chế biến muối ăn, muối tinh khiết, có mã HS 2501.00.90.90.

3. Muối tinh khiết là muối được chế biến từ nguyên liệu muối thô theo phương pháp nghiền rửa, hoặc tái kết tinh hoặc kết tinh trong chân không được sử dụng trong ngành công nghiệp thực phẩm, y tế, xử lý nước và tiêu dùng ăn trực tiếp, có mã HS 2501.00.41.20 hoặc HS 2501.00.49.20.

4. Lô hàng muối nhập khẩu là tập hợp một chủng loại muối được xác định về số lượng, có cùng tên gọi, công dụng, nhãn hiệu, kiểu loại, đặc tính kỹ thuật, của cùng một cơ sở sản xuất và thuộc cùng một bộ hồ sơ nhập khẩu.

Điều 5. Chất lượng muối nhập khẩu

1. Muối nhập khẩu trong hạn ngạch thuế quan:

Các loại muối nhập khẩu có mã HS: 2501.00.90.90; 2501.00.41.20; 2501.00.49.20 theo Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu do Bộ Tài chính ban hành, phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật chất lượng muối theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Muối nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan:

Các loại muối nhập khẩu thuộc nhóm 2501 theo Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu do Bộ Tài chính ban hành, trước khi nhập khẩu, người nhập khẩu phải công bố tiêu chuẩn áp dụng phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc yêu cầu kỹ thuật chất lượng muối nhập khẩu tương ứng quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Phương thức kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu

1. Người nhập khẩu sau khi lấy mẫu để phân tích thử nghiệm chất lượng muối nhập khẩu theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này được cơ quan Hải quan cho phép đưa hàng hóa về kho bảo quản.

2. Người nhập khẩu có trách nhiệm bảo quản hàng hóa cho đến khi có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu về chất lượng mới được phép đưa muối vào sản xuất hoặc lưu thông trên thị trường.

3. Cơ quan Hải quan chỉ hoàn thành việc thông quan cho lô hàng khi Cơ quan kiểm tra quy định tại Điều 11 của Thông tư này có "Thông báo kết quả kiểm tra về chất lượng muối nhập khẩu" xác nhận lô hàng đáp ứng được yêu cầu chất lượng muối nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương II
NỘI DUNG, THỦ TỤC KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ KẾT QUẢ KIỂM TRA

Điều 7. Thủ tục lập hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng muối

1. Công bố hợp chuẩn trước khi ký hợp đồng nhập khẩu muối:

Thủ tục công bố tiêu chuẩn áp dụng (công bố hợp chuẩn) thực hiện theo Quyết định số 24/2007/QĐ- BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành "Quy định về chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy và công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy".

2. Lấy mẫu để phân tích thử nghiệm chất lượng muối nhập khẩu:

a) Khi lô hàng về đến cửa khẩu, người nhập khẩu liên hệ với Cơ quan Hải quan cửa khẩu để làm thủ tục và lấy mẫu đại diện của lô hàng muối nhập khẩu theo phương pháp lấy ngẫu nhiên, có sự chứng kiến của đại diện cơ quan Hải quan cửa khẩu. Mẫu đại diện của lô hàng được chia làm 03 phần: 01 mẫu thử nghiệm; 01 mẫu lưu tại Cơ quan kiểm tra và 01 mẫu lưu tại cơ sở được lấy mẫu. Số lượng mỗi mẫu tối thiểu 200 gam, tối đa 500 gam đủ để thử nghiệm các chỉ tiêu cần kiểm tra. Các phần mẫu được dán số hiệu niêm phong của cơ quan Hải quan và lập biên bản lấy mẫu muối nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày làm việc, mẫu thử nghiệm phải được giao cho tổ chức thử nghiệm được chỉ định. Các chỉ tiêu kỹ thuật yêu cầu cần phân tích đối với mẫu thử nghiệm của lô hàng muối nhập khẩu được quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này. Chi phí về lấy mẫu và thử nghiệm chất lượng muối nhập khẩu do người nhập khẩu chi trả.

c) Danh sách các tổ chức thử nghiệm, giám định, chứng nhận chất lượng muối do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này và được cập nhật khi có thay đổi trên website Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Người nhập khẩu lập 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu và gửi hồ sơ về Cơ quan kiểm tra quy định tại Điều 11 của Thông tư này. Hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu gồm:

a) Giấy đăng ký kiểm tra về chất lượng muối nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Bản sao chụp các giấy tờ sau:

- Vận đơn;

- Hóa đơn;

- Danh mục hàng hóa;

- Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa;

- Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (bản khai của người khai Hải quan);

- Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan (nếu có);

- Hợp đồng mua bán hàng hóa (là bản tiếng Việt hoặc bản tiếng Anh, nếu là ngôn ngữ khác thì người nhập khẩu phải nộp kèm bản dịch ra tiếng Việt và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung bản dịch).

c) Bản sao có chứng thực các giấy tờ sau:

- Bản công bố hợp chuẩn đã đăng ký;

- Thông báo tiếp nhận bản công bố hợp chuẩn;

- Kết quả thử nghiệm mẫu muối nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này;

- Giấy chứng nhận lưu hành tự do (viết tắt là CFS) đối với muối ăn do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp theo quy định tại Thông tư 63/2010/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 11 năm 2010 hướng dẫn việc quy định Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

d) Biên bản lấy mẫu theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này và mẫu đại diện lô hàng muối nhập khẩu đựng trong hộp nhựa kín có dán số hiệu niêm phong của cơ quan Hải quan.

4. Cách thức gửi hồ sơ: gửi trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện về Cơ quan kiểm tra quy định tại Điều 11 của Thông tư này.

Điều 8. Nội dung kiểm tra

Cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra theo các nội dung sau:

1. Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu.

2. Kiểm tra sự phù hợp giữa kết quả thử nghiệm mẫu của lô hàng muối nhập khẩu so với hồ sơ đăng ký, tiêu chuẩn công bố áp dụng, yêu cầu kỹ thuật chất lượng đối với muối nhập khẩu tương ứng quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này và các quy định hiện hành.

3. Tổ chức giám định lại chất lượng lô hàng muối nhập khẩu khi cần thiết.

4. Thông báo kết quả kiểm tra về chất lượng muối nhập khẩu.

Điều 9. Thủ tục kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu

1. Cơ quan kiểm tra tiếp nhận và kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng muối của người nhập khẩu. Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, Cơ quan kiểm tra xác nhận đã tiếp nhận hồ sơ vào "Giấy đăng ký kiểm tra về chất lượng muối nhập khẩu" theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trường hợp hồ sơ đầy đủ: trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng, Cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra theo nội dung quy định tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư này như sau:

a) Đối với trường hợp lô hàng muối nhập khẩu có kết quả thử nghiệm mẫu muối nhập khẩu phù hợp với hồ sơ đăng ký, tiêu chuẩn công bố áp dụng, yêu cầu kỹ thuật chất lượng đối với muối nhập khẩu tương ứng, Cơ quan kiểm tra ra Thông báo kết quả kiểm tra về chất lượng muối nhập khẩu xác nhận lô hàng đáp ứng yêu cầu chất lượng muối nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, gửi tới người nhập khẩu và cơ quan Hải quan để làm thủ tục thông quan cho lô hàng.

b) Đối với trường hợp lô hàng muối nhập khẩu có kết quả thử nghiệm không phù hợp với hồ sơ đăng ký hoặc tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc yêu cầu kỹ thuật chất lượng đối với muối nhập khẩu tương ứng, Cơ quan kiểm tra ra "Thông báo kết quả kiểm tra về chất lượng muối nhập khẩu" xác nhận lô hàng không đáp ứng yêu cầu chất lượng theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, trong đó nêu rõ các nội dung không đạt yêu cầu, gửi tới cơ quan Hải quan và người nhập khẩu.

3. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ: cơ quan kiểm tra xác nhận các thành phần hồ sơ còn thiếu và yêu cầu người nhập khẩu bổ sung đủ hồ sơ trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc. Trường hợp người nhập khẩu không bổ sung đủ hồ sơ, Cơ quan kiểm tra xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Thông tư này.

4. Cách thức trả kết quả: Theo đề nghị của người nhập khẩu, trả kết quả trực tiếp tại Cơ quan kiểm tra quy định tại Điều 11 hoặc gửi qua đường bưu điện tới người nhập khẩu.

5. Phí, lệ phí kiểm tra: Theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 10. Biện pháp xử lý lô hàng muối nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng

1. Trường hợp kết quả thử nghiệm mẫu muối nhập khẩu không phù hợp với hồ sơ đăng ký hoặc tiêu chuẩn công bố áp dụng, yêu cầu kỹ thuật chất lượng muối quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được "Thông báo kết quả kiểm tra về chất lượng

muối nhập khẩu", người nhập khẩu có thể gửi văn bản đề nghị Tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định thực hiện giám định sự phù hợp đối với lô hàng muối nhập khẩu đó. Kết quả đánh giá sự phù hợp này là căn cứ để Cơ quan kiểm tra xử lý, kết luận cuối cùng. Chi phí giám định sự phù hợp do người nhập khẩu chi trả.

2. Trường hợp người nhập khẩu không bổ sung đủ hồ sơ trong thời gian quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư này và không giải trình rõ nguyên nhân với Cơ quan kiểm tra, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn bổ sung hồ sơ, Cơ quan kiểm tra thông báo người nhập khẩu phải tái xuất lô hàng muối nhập khẩu này.

3. Trường hợp có khiếu nại, tố cáo hoặc không thống nhất về kết quả đánh giá sự phù hợp, Cơ quan kiểm tra tiến hành lấy mẫu để thử nghiệm lại chất lượng lô hàng muối nhập khẩu đó. Chi phí lấy mẫu và thử nghiệm lại chất lượng muối nhập khẩu do Cơ quan kiểm tra chi trả và được bố trí trong dự toán kinh phí hoạt động của Cơ quan kiểm tra. Kết quả thử nghiệm chất lượng muối nhập khẩu của tổ chức thử nghiệm được chỉ định là căn cứ pháp lý để Cơ quan kiểm tra xử lý trong quá trình kiểm tra.

Trường hợp kết quả thử nghiệm lại chất lượng muối nhập khẩu đối với lô hàng muối nhập khẩu không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, yêu cầu kỹ thuật chất lượng muối quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này, người nhập khẩu phải trả chi phí lấy mẫu và thử nghiệm lại chất lượng mẫu muối.

4. Tùy theo mức độ vi phạm về chất lượng, Cơ quan kiểm tra thông báo người nhập khẩu phải tái xuất lô hàng muối nhập khẩu và phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan xử lý, giám sát quá trình xử lý vi phạm theo quy định hiện hành.

Chương III
TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN

Điều 11. Cơ quan kiểm tra

Cục Chế biến, Thương mại nông lâm thủy sản và nghề muối là cơ quan được phân công thực hiện nhiệm vụ kiểm tra về chất lượng muối nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

1. Trách nhiệm:

a) Thực hiện việc kiểm tra theo đúng quy định trong phạm vi được phân công, đảm bảo tính chính xác, trung thực và khách quan khi kiểm tra;

b) Tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra, tổ chức việc kiểm tra, lấy mẫu (khi cần thiết) theo đúng quy định của Thông tư này; chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra; nội dung thông báo về kết quả lô hàng không đạt yêu cầu chất lượng;

c) Tiếp nhận và giải quyết kịp thời, đúng quy định các khiếu nại của người nhập khẩu đối với việc kiểm tra;

d) Lưu trữ đầy đủ hồ sơ kiểm tra; định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả kiểm tra về chất lượng muối nhập khẩu.

2. Quyền hạn:

a) Yêu cầu người nhập khẩu cung cấp các thông tin, tài liệu có liên quan đến lô hàng muối nhập khẩu để phục vụ công tác kiểm tra;

b) Yêu cầu người nhập khẩu tiến hành các biện pháp xử lý lô hàng không đạt yêu cầu về chất lượng theo quy định, theo dõi việc xử lý và kết quả xử lý;

c) Kiến nghị các cơ quan có liên quan xử lý đối với người nhập khẩu không thực hiện đúng quy định về kiểm tra.

Điều 12. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu muối

1. Đăng ký và thực hiện quy định về kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu theo quy định của Thông tư này; bảo quản nguyên trạng lô hàng muối nhập khẩu để kiểm tra chất lượng.

2. Thực hiện các yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp có quyết định buộc tái xuất đối với lô hàng muối nhập khẩu.

3. Chấp hành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; trả chi phí lấy mẫu và thử nghiệm chất lượng muối nhập khẩu theo quy định hiện hành.

4. Được lựa chọn phòng thử nghiệm chất lượng muối trong danh sách các tổ chức thử nghiệm chất lượng muối do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định; khiếu nại, tố cáo mọi hành vi sai trái của Cơ quan kiểm tra, phòng thử nghiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Phối hợp với Cơ quan kiểm tra và các cơ quan có liên quan tại địa phương xử lý trường hợp muối nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Phòng thử nghiệm được chỉ định

1. Tuân thủ đúng quy trình thử nghiệm, đảm bảo năng lực thiết bị thử nghiệm, bảo mật thông tin của chủ hàng theo quy định của pháp luật; đảm bảo kết quả thử nghiệm chính xác, khách quan; cung cấp kết quả đúng hạn cho Cơ quan kiểm tra và người nhập khẩu; chịu trách nhiệm về kết quả thử nghiệm; lưu trữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động thử nghiệm đúng quy định và xuất trình khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu; bồi thường vật chất cho chủ hàng về hậu quả do những sai sót trong việc thử nghiệm do mình thực hiện theo các quy định hiện hành; chấp hành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

2. Từ chối thử nghiệm đối với các mẫu, chỉ tiêu ngoài phạm vi được quy định; được cung cấp các thông tin, được tham gia các khóa đào tạo nhằm nâng cao năng lực thử nghiệm; thu phí, lệ phí thử nghiệm theo quy định hiện hành.

Điều 15. Tổ chức đánh giá sự phù hợp

1. Tổ chức đánh giá sự phù hợp theo yêu cầu có trách nhiệm cung cấp kết quả đánh giá sự phù hợp cho cơ quan kiểm tra và người nhập khẩu trong thời gian quy định.

2. Chấp hành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký.

2. Các lô hàng muối nhập khẩu không bị điều chỉnh bởi Thông tư này và Thông tư số 44/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 6 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ sung Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn trong trường hợp đã ký hợp đồng nhập khẩu và đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Đã xếp hàng lên phương tiện vận tải, có ngày xếp hàng ghi trên vận tải đơn (đối với hàng vận chuyển bằng đường biển, đường sắt, đường hàng không) hoặc ngày hàng về đến cửa khẩu (đối với hàng vận chuyển bằng đường bộ) trước ngày Thông tư này có hiệu lực.

b) Đã mở tín dụng thư (L/C) hoặc có chứng từ thanh toán trước ngày Thông tư này có hiệu lực.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

Cục Chế biến, Thương mại nông lâm thủy sản và nghề muối, các cơ quan, đơn vị liên quan và người nhập khẩu chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Cục Chế biến, Thương mại nông lâm thủy sản và nghề muối) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Hồ Xuân Hùng

Phụ lục I

YÊU CẦU KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG MUỐI NHẬP KHẨU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2011/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 9 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên chỉ tiêu		Mã hàng muối nhập khẩu		
			HS 2501.00.90.90	HS 2501.00.41.20	HS 2501.00.49.20
I	**Tên loại muối**		Muối NaCl thô dùng trong công nghiệp hóa chất; làm nguyên liệu chế biến muối tinh khiết.	Muối NaCl tinh khiết dùng trong y tế, thí nghiệm, xử lý nước.	Muối NaCl tinh khiết dùng trong tiêu dùng ăn trực tiếp, công nghiệp thực phẩm.
II	**Chỉ tiêu cảm quan**				
1	Màu sắc		Trắng trong, trắng, trắng ánh xám, trắng ánh vàng, trắng ánh hồng.	Trắng trong, trắng	Trắng trong, trắng
2	Mùi vị		Không mùi, dung dịch 5% có vị mặn thuần khiết, không có vị lạ.	Không mùi, dung dịch 5% có vị mặn thuần khiết, không có vị lạ.	Không mùi, dung dịch 5% có vị mặn thuần khiết, không có vị lạ.
3	Dạng bên ngoài và cỡ hạt.		Khô ráo, sạch không có tạp chất lạ nhìn thấy bằng mắt thường. Cỡ hạt từ 1mm trở lên.	Khô ráo, sạch không có tạp chất lạ nhìn thấy bằng mắt thường. Cỡ hạt nhỏ hơn 1mm hoặc ép thành viên.	Khô rời, sạch không có tạp chất lạ nhìn thấy bằng mắt thường. Cỡ hạt nhỏ hơn 1mm.
III	**Chỉ tiêu hóa lý**				
1	Hàm lượng NaCl, tính theo % khối lượng chất khô.		≥ 98,00	≥ 99,00	≥ 99,10
2	Hàm lượng chất không tan trong nước, tính theo % khối lượng chất khô.		≤ 0,25	≤ 0,20	≤ 0,10
3	Hàm lượng ẩm, tính theo %.		≤ 4,00	≤ 4,00	≤ 0,09
4	Hàm lượng các ion, tính theo % khối lượng chất khô.	Ca^{+2}	≤ 0,15	≤ 0,15	≤ 0,18
		Mg^{+2}	≤ 0,10	≤ 0,10	≤ 0,20
		SO_4^{-2}	≤ 0,30	≤ 0,30	≤ 0,30
5	Hàm lượng các ion kim loại, tính theo mg/kg các kim loại tương ứng	Hg			≤ 0,10
		Cd			≤ 0,50
		As			≤ 0,50
		Pb			≤ 2,00

Phụ lục II
MẪU THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA
VỀ CHẤT LƯỢNG MUỐI NHẬP KHẨU
(Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2011/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 9 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN **CỤC CHẾ BIẾN, THƯƠNG MẠI NÔNG LÂM THỦY SẢN VÀ NGHỀ MUỐI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Hà Nội, ngày tháng năm 20*
Số: /TB-CB-NM	

THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA
VỀ CHẤT LƯỢNG MUỐI NHẬP KHẨU

1. Tên hàng hóa: .....
2. Mã HS: .....
3. Đặc tính kỹ thuật: .....
4. Xuất xứ/ Nhà sản xuất: .....
5. Khối lượng/ Số lượng: .....
6. Cửa khẩu nhập: .....
7. Thời gian nhập khẩu:.....
8. Thuộc lô hàng có các chứng từ sau: .....
- Hợp đồng số: .....
- Danh mục hàng hóa số: .....
- Hóa đơn số: .....
- Giấy chứng nhận xuất xứ số *(C/O)*: .....
- Vận đơn số: .....
- Tờ khai hải quan hàng nhập khẩu số: .....
9. Người nhập khẩu: .....
10. Giấy đăng ký kiểm tra số: .....
11. Căn cứ kiểm tra: Tiêu chuẩn công bố áp dụng: .....
Quy chuẩn kỹ thuật: .....
Quy định khác: .....
12. Giấy chứng nhận giám định chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu/ Kết quả thử nghiệm mẫu muối nhập khẩu số: …….....do tổ chức: ……..…… .....…..... cấp ngày ……../ ……. / ….. tại: ……..……

KẾT QUẢ KIỂM TRA

Lô hàng (Số lượng / tên, nhãn hiệu, kiểu loại, mã HS hàng muối nhập khẩu)
** Đáp ứng yêu cầu chất lượng muối nhập khẩu*
** Không đáp ứng yêu cầu chất lượng hàng hóa nhập khẩu:*
- Lý do:……
- Hình thức xử lý:……

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Người nhập khẩu;
- Hải quan cửa khẩu;
- Lưu: VT, NM.

Phụ lục III
MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA
VỀ CHẤT LƯỢNG MUỐI NHẬP KHẨU
(Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2011/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 9 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Tên cơ quan chủ quản **Tên tổ chức nhập khẩu** Số: /.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *....., ngày tháng năm 20....*

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA
VỀ CHẤT LƯỢNG MUỐI NHẬP KHẨU

Kính gửi: Cục Chế biến, Thương mại nông lâm thủy sản và nghề muối

Người nhập khẩu: …….
Địa chỉ: …….
Điện thoại : ……. Fax : ……E.mail : …….
Địa chỉ bảo quản lô hàng (khi được áp dụng đăng ký trước, kiểm tra sau): …….
……
Đề nghị Quý Cơ quan kiểm tra về chất lượng lô hàng muối nhập khẩu sau:

TT	Tên hàng hóa, mã HS	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ, Nhà sản xuất	Khối lượng/ Số lượng	Cửa khẩu nhập	Thời gian nhập khẩu

Hồ sơ kèm theo gồm:		Cơ quan kiểm tra xác nhận
1	☐ Hợp đồng *(Contract)* số: ……..	☐
2	☐ Danh mục hàng hóa *(Packing list)*:	☐
3	☐ Hóa đơn *(Invoice)* số: ……	☐
4	☐ Vận đơn *(Bill of Loading)* số: ……...…	☐
5	☐ Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số: ……	☐
6	☐ Giấy chứng nhận xuất xứ C/O số: ……...……	☐
7	☐ Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan (*nếu có*) số: ……	☐
8	☐ Mẫu muối có dán số hiệu niêm phong của Hải quan và biên bản lấy mẫu có xác nhận của Hải quan.	☐
9	☐ Kết quả thử nghiệm chất lượng muối nhập khẩu số: ……... ngày .../ ... / ….. tại: ..……...…	☐
10	☐ Bản công bố hợp chuẩn đã đăng ký; Thông báo tiếp nhận công bố hợp chuẩn (*nếu nhập khẩu ngoài HNTQ*) số: ……ngày .../.../…..tại: ..……	☐
11	☐ Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với muối ăn	☐

Chúng tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm lô hàng muối nhập khẩu phù hợp với tiêu chuẩn ……..……hoặc yêu cầu kỹ thuật ……..……

……., ngày …….. tháng …… năm 20….

NGƯỜI NHẬP KHẨU
(ký tên, đóng dấu)

CƠ QUAN KIỂM TRA XÁC NHẬN TIẾP NHẬN HỒ SƠ ĐĂNG KÝ

1. Hồ sơ đầy đủ về số lượng: ☐ tiếp nhận hồ sơ để kiểm tra các bước tiếp theo.

2. Hồ sơ không đầy đủ về số lượng: ☐ tiếp nhận hồ sơ nhưng cần bổ sung các mục số: ..... trong thời gian 10 ngày làm việc. Sau khi hồ sơ đầy đủ thì kiểm tra các bước tiếp theo theo quy định.

Vào sổ số:……/CB-NM ngày ….. tháng ….. năm 20….

Nơi nhận: - Người nhập khẩu; - Lưu: VT, NM.	**Người kiểm tra**	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN** (*ký tên, đóng dấu*)

Phụ lục IV
MẪU BIÊN BẢN LẤY MẪU
(Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2011/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 9 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

BIÊN BẢN LẤY MẪU
Số .....

1. Tên tổ chức được lấy mẫu: .....
2. Địa điểm lấy mẫu: .....
3. Người lấy mẫu: (Họ tên, chức danh, đơn vị): .....
4. Đại diện Cơ quan Hải quan cửa khẩu nhập: (Họ tên, chức vụ, đơn vị) .....
5. Theo quy định của pháp luật về kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu đã tiến hành lấy mẫu đại diện lô hàng nhập khẩu sau:

STT	Tên hàng hóa, mã HS	Tên cơ sở và địa chỉ NSX, NK	Đơn vị tính	Lượng mẫu	Ngày sản xuất, số lô (*nếu có*)	Ghi chú

6. Tình trạng mẫu:

Mẫu chung được chia làm 03 phần: 01 mẫu thử nghiệm; 01 mẫu lưu tại cơ quan kiểm tra và 01mẫu lưu tại cơ sở được lấy mẫu. Các phần mẫu được dán số hiệu niêm phong của Hải quan số:..... có sự chứng kiến của các bên.

Biên bản được lập thành 03 bản có giá trị như nhau, đã được các bên thông qua, 01 bản gửi Cơ quan kiểm tra, 01 bản gửi tổ chức thử nghiệm mẫu, 01 bản người nhập khẩu giữ./.

Đại diện cơ quan Hải quan cửa khẩu nhập **Người lấy mẫu**

Phụ lục V
CÁC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT YÊU CẦU PHÂN TÍCH ĐỐI VỚI MUỐI NHẬP KHẨU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2011/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 9 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên các chỉ tiêu kỹ thuật	Ghi chú
I	Loại muối: (theo mã HS)	
II	Chỉ tiêu cảm quan	
1	Màu sắc	
2	Mùi vị	
3	Dạng bên ngoài và cỡ hạt	
III	Chỉ tiêu hóa lý	
1	Hàm lượng NaCl, tính theo % khối lượng chất khô	
2	Hàm lượng chất không tan trong nước, tính theo % khối lượng chất khô	
3	Hàm lượng ẩm, tính theo %	
4	Hàm lượng các ion, tính theo % khối lượng chất khô	
	- Ca^{+2}	
	- Mg^{+2}	
	- SO_4^{-2}	
5	Hàm lượng các ion, tính theo mg/kg các kim loại tương ứng	Áp dụng đối với muối thực phẩm
	- Thủy ngân (Hg)	
	- Cadimi (Cd)	
	- Arsen (As)	
	- Chì (Pb)	

Phụ lục VI
DANH SÁCH
TỔ CHỨC THỬ NGHIỆM/GIÁM ĐỊNH/CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG MUỐI ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2011/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 9 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên tổ chức	Địa chỉ
1	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 (Quatest 1)	Số 8, phố Hoàng Quốc Việt, thành phố Hà Nội
2	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 2 (Quatest 2)	Số 2, phố Ngô Quyền, thành phố Đà Nẵng
3	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 (Quatest 3)	Số 49, Pasteur, thành phố Hồ Chí Minh
…		

Lưu ý: Danh sách này được cập nhật khi có thay đổi.

Phụ lục VII

MẪU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM MẪU MUỐI NHẬP KHẨU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2011/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 9 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Lô gô của Tổ chức kiểm định chất lượng	TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỦA TỔ CHỨC THỬ NGHIỆM TÊN TIẾNG ANH **TÊN TỔ CHỨC THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH** TÊN TIẾNG ANH	Địa chỉ: ĐT: Fax:

Số: …/2011/....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM MẪU MUỐI NHẬP KHẨU

1. Tên mẫu muối: **Muối** .....
2. Khách hàng: Công ty ....
3. Số lượng mẫu 01 hộp
4. Ngày nhận mẫu ……/……/20.....
5. Tình trạng mẫu Mẫu được dán niêm phong của Hải quan số: .....
và có xác nhận của các bên tại Biên bản lấy mẫu số ..... ngày...../...../20.....

TT	Tên chỉ tiêu	Kết quả	Ghi chú
I	**Loại muối (theo mã H.S)**		
II	**Chỉ tiêu cảm quan:**		
	+ Màu sắc		
	+ Mùi vị		
	+ Dạng bên ngoài, cỡ hạt		
III	**Chỉ tiêu hóa lý**		
1	Hàm lượng NaCl, tính theo % khối lượng chất khô		
2	Hàm lượng chất không tan trong nước, tính theo % khối lượng chất khô		
3	Hàm lượng ẩm tính theo %		
4	Hàm lượng các ion, tính theo % khối lượng chất khô:		
	- Ca^{+2}		
	- Mg^{+2}		
	- SO_4^{-2}		
5	Hàm lượng các ion, tính theo mg/kg các kim loại tương ứng:		
	- Thủy ngân (Hg)		
	- Cadimi (Cd)		
	- Arsen (As)		
	- Chì (Pb)		
	- Đồng (Cu)		

***Ghi chú**: Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu nêu trên.*

Hà Nội, ngày tháng năm 20

Thử nghiệm viên
(ký, ghi rõ họ tên)

Lãnh đạo Tổ chức thử nghiệm
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)